

KẾ HOẠCH

Hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành Giáo dục và Đào tạo Năm 2022

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-BGDĐT ngày 26/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ (VSTBCPN) và bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 của Bộ GDĐT;

Căn cứ Kế hoạch số 591/KH-PGDĐT ngày 05/5/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về hoạt động của Ban VSTBCPN ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2021-2030.

Phòng GDĐT ban hành Kế hoạch hành động VSTBCPN và bình đẳng giới năm 2022 của ngành như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

1.1. Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, tiếp cận và thụ hưởng bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

1.2. Bảo đảm sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp học, trình độ đào tạo và các cấp quản lý giáo dục nhằm phát huy tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ, góp phần thực hiện thành công đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, hướng tới thực hiện cam kết đạt mục tiêu phát triển bền vững về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1: Bảo đảm nội dung về giới, bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản được lồng ghép vào việc giảng dạy ở các cấp học.

2.2. Mục tiêu 2: Thu hẹp khoảng cách giữa trẻ em trai và gái trong tiếp cận giáo dục ở các vùng, miền.

a) Chỉ tiêu 1: Nâng cao tỷ lệ trẻ em trai và gái được tiếp cận với phát triển, chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non có chất lượng (chỉ tiêu: 30% trẻ nhà trẻ, 90% trẻ mẫu giáo vào năm 2025).

b) Chỉ tiêu 2: Nâng cao tỷ lệ trẻ em trai và gái dân tộc thiểu số hoàn thành giáo dục tiểu học (chỉ tiêu: 99% vào năm 2025).

c) Chỉ tiêu 3: Nâng cao tỷ lệ trẻ em trai và gái dân tộc thiểu số hoàn thành chương trình trung học cơ sở (chỉ tiêu: trên 83% vào năm 2025).



d) Chỉ tiêu 4: Nâng cao tỷ lệ nữ biết chữ và tỷ lệ nữ người dân tộc thiểu số biết chữ (chỉ tiêu: tỷ lệ nữ biết chữ đạt 98,2%, nữ người dân tộc thiểu số biết chữ đạt 93,5% vào năm 2025).

2.3. Mục tiêu 3: Nâng cao tỷ lệ nữ tham gia các vị trí quản lý, lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục, các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và nghiên cứu khoa học

a) Chỉ tiêu 1: Nâng cao tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, Phòng GDĐT có nữ quy hoạch vào các chức danh lãnh đạo, quản lý (chỉ tiêu: cơ sở giáo dục phổ thông đạt 95%; Phòng GDĐT đạt 92% vào năm 2025).

b) Chỉ tiêu 2: Nâng cao tỷ lệ Phòng GDĐT có nữ giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt (chỉ tiêu: trên 60% vào năm 2025).

c) Chỉ tiêu 3: Nâng cao tỷ lệ nữ công chức, viên chức trong quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các đơn vị được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực (chỉ tiêu: đạt 75% tổng số nữ công chức, viên chức quy hoạch vào năm 2025).

d) Chỉ tiêu 4: Nâng cao tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số công chức, viên chức có trình độ thạc sĩ (chỉ tiêu đạt ít nhất 50% từ năm 2025 trở đi).

2.4. Mục tiêu 4: Công tác thông tin, truyền thông

a) Chỉ tiêu 1: Nâng cao tỷ lệ học sinh từ cấp tiểu học, THCS và công chức, viên chức kiêm nhiệm công tác VSTBCPN tiếp cận các vấn đề giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới thông qua các tài liệu và sự kiện truyền thông (chỉ tiêu: đạt ít nhất 80% vào năm 2025).

b) Chỉ tiêu 2: Phấn đấu mỗi đơn vị trực thuộc Phòng GDĐT có cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh được tập huấn trở thành đội ngũ truyền thông về giới, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan đến giới của ngành GDĐT.

c) Chỉ tiêu 3: Duy trì đạt 100% công thông tin điện tử/website của phòng GDĐT và các đơn vị, trường học có thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

2.5. Mục tiêu 5: Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

Chỉ tiêu: Nâng cao tỷ lệ thành viên Ban VSTBCPN các đơn vị được tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động liên quan tới nâng cao năng lực về bình đẳng giới và VSTBCPN (chỉ tiêu: đạt 80% vào năm 2025).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền

1.1. Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là người đứng đầu về công tác cán bộ nữ và thực hiện bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ công chức, viên chức và nhân viên.

1.2. Tiếp tục kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban VSTBCPN, triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án về bình đẳng giới và VSTBCPN.

1.3. Quan tâm bố trí, sử dụng cán bộ nữ nhằm nâng cao tỷ lệ nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị, cơ sở GDĐT, nhất là các cơ quan quản lý giáo dục.

2. Triển khai các văn bản, tài liệu, nội dung về bình đẳng giới và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới

2.1. Góp ý các dự thảo văn bản về sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến vấn đề bình đẳng giới và VSTBCPN.

2.2. Lồng ghép nội dung về bình đẳng giới vào hệ thống bài giảng chính thức trong các cấp học theo quy định của Bộ GDĐT; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học nội dung về giới, bình đẳng giới, giới tính, sức khỏe sinh sản.

3. Bảo đảm nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho mọi người

3.1. Triển khai chương trình giáo dục mầm non tiên tiến, phù hợp với điều kiện thực tiễn; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ; nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em mầm non, hình thành ở trẻ hiểu biết về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong hoạt động học và sinh hoạt.

3.2. Thực hiện các giải pháp đánh giá, giám sát, hỗ trợ để tăng tỷ lệ huy động trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo đến trường, tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ để củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trẻ mẫu giáo 05 tuổi và hướng đến phổ cập giáo dục trẻ mẫu giáo 04 tuổi.

3.3. Triển khai và thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018; đổi mới phương pháp và đa dạng hóa hình thức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh, tạo điều kiện cho học sinh được tiếp cận khai thác các nguồn học liệu đa dạng, phong phú; phát triển khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện hoàn cảnh của bản thân; những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân; khả năng thích ứng với những thay đổi trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

3.4. Chú trọng bồi dưỡng kiến thức tin học, ngoại ngữ, kỹ năng làm việc nhóm cho nữ công chức, viên chức ngành GDĐT.

3.5. Tăng cường các chương trình giáo dục, tuyên truyền, chăm sóc sức khỏe, phát triển thể chất, nâng cao thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên đáp ứng mục tiêu của Đề án “Phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030”.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ nữ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới

4.1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025”; rà soát, đánh giá kết quả đạt được và tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non tỉnh Bình Dương giai đoạn 2019-2025; thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non, phổ thông theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và Kế hoạch 07/KH-UBND ngày 21/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một về thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của cán bộ quản lý, giáo viên cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một.

4.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực; chú trọng các kỹ năng mềm cho người học.

5. Tăng cường phối hợp tổ chức các phong trào thi đua yêu nước nhằm tạo động lực cho phụ nữ phát huy vai trò nòng cốt trong xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc

5.1. Tập trung triển khai hiệu quả Phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”; Phong trào thi đua “Giỏi việc trường - Đảm việc nhà” gắn với phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”; cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

5.2. Tiếp tục chỉ đạo triển khai Kế hoạch số 1506/KH-BGDĐT ngày 31/5/2019 thực hiện Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025” theo Quyết định số 1299/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 103/KH-CĐN ngày 02/4/2019 của Công đoàn Giáo dục Việt Nam về nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo, thực hiện bộ quy tắc ứng xử trong các nhà trường, hướng tới xây dựng trường học hạnh phúc đối với các đơn vị, trường học, cơ sở GDĐT trong toàn ngành bảo đảm hiệu quả.

6. Đẩy mạnh tập huấn, kiểm tra để thực hiện tốt công tác bình đẳng giới và VSTBCPN.

Tổ chức tập huấn kiến thức giới, bình đẳng giới và kỹ năng lồng ghép giới cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới và thành viên Ban VSTBCPN các đơn vị; triển khai các chương trình bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ nữ công chức, viên chức; nữ lãnh đạo quản lý.

7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

7.1. Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới hàng năm hiệu quả, sáng tạo, tiết kiệm, có sức lan tỏa.

7.2. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông, tổ chức các hoạt động truyền thông phù hợp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động truyền thông nhằm tăng hiệu quả và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

7.3. Tuyên truyền, phổ biến những nội dung về bình đẳng giới trong Bộ luật Lao động năm 2019 bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng và điều kiện, tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, trường học, cơ sở giáo dục.

7.4. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên các phương tiện thông tin đại chúng và lồng ghép trong các hoạt động của cơ quan, đơn vị với hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới trong cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh ngành GDĐT.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng GDĐT thành phố

a) Phối hợp với các đơn vị chuyên môn tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về giới, phân tích và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động và nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

b) Hướng dẫn và tổ chức triển khai Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

c) Tham mưu bố trí, phân bổ kinh phí hàng năm đối với hoạt động VSTBCPN và bình đẳng giới theo quy định.

d) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ trong Kế hoạch hành động VSTBCPN và bình đẳng giới ngành GDĐT giai đoạn 2021-2030 và từng năm.

đ) Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình triển khai và kết quả đạt được theo định kỳ 06 tháng và 01 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban VSTBCPN-Sở GDĐT.

2. Trách nhiệm các bộ phận chuyên môn Phòng GDĐT

a) Bộ phận phụ trách Giáo dục Mầm non, Tiểu học và THCS: Phối hợp Ban VSTBCPN ngành GDĐT thành phố thực hiện mục tiêu 1, mục tiêu 2, mục tiêu 4 và báo cáo kết quả đạt được trong 06 tháng đầu năm (báo cáo trước ngày 12/5/2022), báo cáo tổng kết (báo cáo trước ngày 10/12/2022).

b) Bộ phận Tổ chức cán bộ: Phối hợp Ban VSTBCPN ngành GDĐT thành phố thực hiện mục tiêu 3, mục tiêu 5, tổng hợp báo cáo gửi Sở GDĐT.

3. Các cơ sở giáo dục trực thuộc Phòng GDĐT

a) Căn cứ các nội dung của Kế hoạch này xây dựng kế hoạch năm 2022 với những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp.



b) Phối hợp với các đơn vị chuyên môn tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về giới, phân tích và lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động và nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

c) Tham mưu bố trí, phân bổ kinh phí hàng năm đối với hoạt động VSTBCPN và bình đẳng giới theo quy định.

d) Thực hiện báo cáo tình hình triển khai và kết quả đạt được trong 06 tháng đầu năm (báo cáo trước ngày 12/5/2022), báo cáo tổng kết (báo cáo trước ngày 10/12/2022) và gửi bản scan qua địa chỉ e-mail nguyenthanhtriet@tptdm.edu.vn.

Trên đây là Kế hoạch hành động VSTBCPN và bình đẳng giới năm 2022 của Phòng GDĐT, đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ đặc điểm tình hình thực tế tại địa phương để cụ thể hóa cho phù hợp và tổ chức thực hiện bảo đảm hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Ban VSTBCPN Sở GDĐT;
- Lãnh đạo Phòng GDĐT;
- Các bộ phận chuyên môn;
- Trường MN, TH, THCS;
- Lưu: VT, TCCB.



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thanh Phụng